TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/ HNGĐ - ST
Ngày: 23/07/2020
V/v "*ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hội, Ông Bùi Văn Chuyên

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Võ Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/07/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST - HNGĐ ngày 01/04/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXX - ST ngày 22/06/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/07/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường V, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/03/2020, bản tự khai ngày 03/04/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Hà Thị B trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P (nay là phường V, thị xã P), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/10/2011. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, biết thương yêu quí trọng lẫn nhau, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên chơi đánh bạc dẫn

đến thiếu nợ người khác, không có trách nhiệm với vợ, con, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, nên giữa chị và anh Đ thường hay cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy hạnh phúc vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Hà Anh T1, sinh ngày 18/05/2013, Nguyễn Hà Anh T2, sinh ngày 23/11/2017 khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăn sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà Anh T2, giao cháu Nguyễn Hà Anh T1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 13/7/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Anh Đ trình bày*: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị B đã trình bày; nhưng anh không đồng ý ly hôn. Vì hiện tại anh vẫn còn thương yêu vợ, con, nên anh muốn hàn gắn tình cảm lo làm ăn chăm sóc các con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Anh T1, giao cháu Nguyễn Hà Anh T2 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Hà Thị B và anh Nguyễn Anh Đ được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà Anh T2, sinh ngày 23/11/2017, giao cháu Nguyễn Hà Anh T1, sinh ngày 18/05/2013 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B và anh Nguyễn Anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P (nay là phường V, thị xã P), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/10/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, biết thương yêu quí trọng lẫn nhau, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không có trách nhiệm với vợ, con, thường xuyên chơi đánh bạc dẫn đến thiếu nợ người khác, vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, nên giữa chị và anh Đ thường hay cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng hơn, hiện nay giữa chị B và anh Đ sống ly thân với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị B xin ly hôn anh Đ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị B và anh Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Hà Anh T1, sinh ngày 18/05/2013, Nguyễn Hà Anh T2, sinh ngày 23/11/2017. Hiện nay cháu T1 do anh Đc chăm sóc, nuôi dưỡng, con cháu T2 do chị B chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, khi ly hôn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B và anh Đ giao cháu Nguyễn Hà Anh T1, sinh ngày 18/05/2013 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Hà Anh T2, sinh ngày 23/11/2017 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị B phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 39, 147, 235, 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Anh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Anh T1, sinh ngày 18/05/2013 cho anh Nguyễn Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Hà Anh T2, sinh ngày 23/11/2017 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị B phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2018/0002848 ngày 27/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P (nay là thị xã P).

Các bên đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Duẩn